

Số: 95/QĐ-HTr

Na Sang, ngày 19 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai bổ sung dự toán năm 2024

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số: 353/QĐ-PGD ngày 14/11/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo V/v điều chỉnh, giao bổ sung dự toán chi ngân sách cho các trường mầm non, Tiểu học, THCS để thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh trong năm 2024.

Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường PTDTBT tiểu học số 2 Na Sang;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán ngân sách năm 2024 của trường PTDTBT tiểu học số 2 Na Sang (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán trường PTDTBT tiểu học số 2 Na Sang, được giao dự toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Website trường PTDTBT TH số 2 Na Sang
- Lưu KT, VT.



Nguyễn Thị Mai Anh

Đơn vị: Trường PTDTBT tiểu học số 2 Na Sang
Chương: 622

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số
90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm
2018 của Bộ Tài chính

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 95/QĐ-HTr ngày 19/11/2016 của Trường PTDTBT tiểu học số 2 Na Sang)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Dvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
2.2	Chi quản lý hành chính	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	551.324
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	502.534
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	48.790
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
11	Chi Chương trình mục tiêu	